

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong
lĩnh vực quốc tịch của ngành Tư pháp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC;

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 08/TTr-STP ngày 22 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 05 thủ tục hành chính; 05 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch của ngành Tư pháp áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Có Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ thủ tục hành chính mã số 2.001895, 2.002039, 2.002038, 2.002036, 1.005136 tại Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công Quốc gia;
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

Phần I

**DANH MỤC 05 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH CỦA NGÀNH TƯ PHÁP ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	2.001895	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền là: 53 ngày đối với hồ sơ xác minh thông thường hoặc 68 ngày đối với hồ sơ xác minh phức tạp	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến: + Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyền Quang cơ sở 1 (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp): số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyền Quang. + Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyền Quang cơ sở 2 (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp): số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyền Quang. - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Phí: 100.000 đồng Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.	- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2	2.002039	Nhập quốc tịch Việt Nam	105 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trực tiếp đến: + Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang cơ sở 1 (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp): số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang. + Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang cơ sở 2 (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp): số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.	Lệ phí: 3.000.000 đồng Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). + Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.	- Luật số 79/2025/QH ngày 24/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

3	2.002038	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến: + Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang cơ sở 1 (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp): số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang. + Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang cơ sở 2 (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp): số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang. - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Lệ phí: 2.500.000 đồng Miễn lệ phí đối với người mất quốc tịch xin trở lại quốc tịch Việt Nam mà có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú.	- Luật số 79/2025/QH ngày 24/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
4	2.002036	Thôi quốc tịch Việt	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến:	Lệ phí: 2.500.000 đồng	- Luật số 79/2025/QH ngày 24/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Nam ở trong nước	sơ tại các cơ quan có thẩm quyền).	+ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang cơ sở 1 (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp): số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang. + Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang cơ sở 2 (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp): số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang. - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)		số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam; - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
5	1.005136	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền: - 18 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; - 53 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (hồ sơ xác minh thông thường) hoặc 68 ngày làm việc (hồ sơ xác minh phức tạp).	- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến: + Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang cơ sở 1 (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp): số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang. + Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang cơ sở 2 (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp): số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang. - Qua Dịch vụ công trực tuyến một phần: Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn)	Phí: 100.000 đồng Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.	- Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

Phần II**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Tuyên Quang)

1. TTHC áp dụng quy trình 53 ngày làm việc đối với hồ sơ xác minh thông thường, 68 ngày làm việc đối với hồ sơ xác minh phức tạp

1.1. Mã, tên TTHC

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	2.001895	Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam

1.2. Nội dung quy trình

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)		Cơ quan phối hợp (nếu có)
			Đối với trường hợp xác minh thông thường	Đối với trường hợp xác minh phức tạp	
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Công chức trực Bộ phận Một cửa	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
Bước 2	Thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến	Phòng Bổ trợ và Hành chính tư pháp	04 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
Bước 3	Phối hợp xử lý	Công an tỉnh	45 ngày làm việc	60 ngày làm việc	
Bước 4	Tổng hợp kết quả	Phòng Bổ trợ và Hành chính tư pháp	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)		Cơ quan phối hợp (nếu có)
			Đối với trường hợp xác minh thông thường	Đối với trường hợp xác minh phức tạp	
Bước 5	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
Bước 6	Phát hành kết quả (cấp số, đóng dấu)	Văn thư	04 giờ làm việc	04 giờ làm việc	
Bước 7	Trả kết quả	Công chức trực Bộ phận Một cửa	04 giờ làm việc	04 giờ làm việc	

2. TTHC áp dụng quy trình 105 ngày làm việc

2.1. Mã, tên TTHC

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	2.002039	Nhập quốc tịch Việt Nam

2.2. Nội dung quy trình

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Công chức trực Bộ phận Một cửa	01 ngày làm việc	
Bước 2	Kiểm tra, nghiên cứu hồ sơ, soạn thảo văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam	Phòng Bổ trợ và Hành chính tư pháp	04 ngày làm việc	
Bước 3	Kiểm tra, xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam; gửi kết quả xác minh bằng văn bản cho Sở Tư pháp	Công an tỉnh	30 ngày làm việc	
Bước 4	Tổng hợp kết quả	Phòng Bổ trợ Hành chính tư pháp	05 ngày làm việc	
Bước 5	Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	Ủy ban nhân dân tỉnh	05 ngày làm việc	
Bước 6	Bộ Tư pháp thẩm định lại hồ sơ, nếu đủ điều kiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xem xét quyết định	Bộ Tư pháp	20 ngày làm việc	

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 7	Chủ tịch nước xem xét, quyết định, chuyển quyết định cho Bộ Tư pháp	Văn phòng Chủ tịch nước	30 ngày làm việc	
Bước 8	Bộ Tư pháp gửi kết quả giải quyết việc cho nhập quốc tịch Việt Nam cho Ủy ban nhân dân tỉnh, để tổ chức lễ trao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam	Bộ Tư pháp	07 ngày làm việc	
Bước 9	Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp tổ chức Lễ trao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam cho người được nhập quốc tịch Việt Nam theo nghi thức trang trọng, ý nghĩa, phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương	Sở Tư pháp	03 ngày làm việc	

3. TTHC áp dụng quy trình 85 ngày làm việc

3.1. Mã, tên TTHC

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	2.002038	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước

3.2. Nội dung quy trình

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Công chức trực Bộ phận Một cửa	01 ngày làm việc	
Bước 2	Kiểm tra, nghiên cứu hồ sơ, soạn thảo văn bản đề nghị Công an tỉnh xác minh	Phòng Hỗ trợ Hành chính tư pháp	04 ngày làm việc	
Bước 3	Kiểm tra, xác minh về nhân thân, gửi kết quả xác minh bằng văn bản cho Sở Tư pháp	Công an tỉnh	20 ngày làm việc	
Bước 4	Tổng hợp kết quả	Phòng Hỗ trợ Hành chính tư pháp	05 ngày làm việc	
Bước 5	Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	Ủy ban nhân dân tỉnh	05 ngày làm việc	
Bước 6	Bộ Tư pháp thẩm định lại hồ sơ	Bộ Tư pháp	20 ngày làm việc	
Bước 7	Chủ tịch nước xem xét, quyết định, chuyển quyết định cho Bộ Tư pháp	Văn phòng Chủ tịch nước	20 ngày làm việc	

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 8	Bộ Tư pháp gửi kết quả giải quyết việc cho Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp	07 ngày làm việc	
Bước 9	Trả kết quả	Công chức trực Bộ phận Một cửa	04 giờ làm việc	

4. TTHC áp dụng quy trình 75 ngày làm việc

4.1. Mã, tên TTHC

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	2.002036	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước

4.2. Nội dung quy trình

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Công chức trực Bộ phận Một cửa	04 giờ làm việc	
Bước 2	Thẩm định hồ sơ	Phòng Hỗ trợ Hành chính tư pháp	02 ngày làm việc	
Bước 3	Phối hợp xử lý	Công an tỉnh	20 ngày làm việc	
Bước 4	Tổng hợp kết quả	Phòng Hỗ trợ Hành chính tư pháp	01 ngày làm việc	
Bước 5	UBND tỉnh xem xét, kết luận và đề xuất ý kiến gửi Bộ Tư pháp	UBND tỉnh	05 ngày làm việc	
Bước 6	Bộ Tư pháp thẩm định lại hồ sơ	Bộ Tư pháp	20 ngày làm việc	
Bước 7	Chủ tịch nước xem xét, quyết định, chuyển quyết định cho Bộ Tư pháp	Văn phòng Chủ tịch nước	20 ngày làm việc	

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 8	Bộ Tư pháp gửi kết quả giải quyết cho Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp	07 ngày làm việc	
Bước 9	Trả kết quả	Công chức trực Bộ phận Một cửa	04 giờ làm việc	

5. TTHC áp dụng quy trình 18 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; 53 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam

5.1. Mã, tên TTHC

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	1.005136	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước

5.2. Nội dung quy trình

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)		Cơ quan phối hợp (nếu có)
			Đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh	Đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh	
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	Công chức trực Bộ phận Một cửa	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
Bước 2	Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, trực tiếp tra cứu hoặc có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp tra cứu thông tin về thôi quốc tịch, tước quốc tịch, hủy bỏ Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam	Phòng Bổ trợ và Hành chính tư pháp	04 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
Bước 3	Bộ Tư pháp/Công an tỉnh tiến hành tra cứu và có văn bản trả lời Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp, Công an tỉnh	10 ngày làm việc	45 ngày làm việc	
Bước 4	Tổng hợp kết quả	Phòng Bổ trợ và Hành chính tư pháp	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
Bước 5	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)		Cơ quan phối hợp (nếu có)
			Đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh	Đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh	
Bước 6	Phát hành kết quả (cấp số, đóng dấu)	Văn thư	04 giờ làm việc	04 giờ làm việc	
Bước 7	Trả kết quả	Công chức trực Bộ phận Một cửa	04 giờ làm việc	04 giờ làm việc	